TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 21-11-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T; nơi cư trú: Thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T1; địa chỉ: Thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Đỗ Văn H; địa chỉ: Số 33 tổ 10 phường TTN, quận KA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Đỗ Thị T3; địa chỉ: Thôn LH, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 24-3-2023); có mặt.

2- Ông Đỗ Văn T2; địa chỉ: Thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Đỗ Thị T3; địa chỉ: Thôn LH, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 05-9-2023); có mặt.

3- Bà Đỗ Thị T3; địa chỉ: Thôn LH, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4- Ông Lê Ngọc A, địa chỉ: Thôn TB, xã TD, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 23-3-2023); có mặt.

5- Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Bà T có bố là cụ Đỗ Đức Q (tên gọi khác là G) (sinh năm 1929, chết ngày 11-3-2010) và mẹ là cụ Đoàn Thị T4 (sinh năm 1927, chết ngày 31-12-2008). Cụ Q và cụ T4 chung sống với nhau sinh được 05 người con chung gồm: Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn T1, Đỗ Văn T2 và Đỗ Thị T3. Cụ T4 có 01 con riêng là ông Lê Ngọc A. Ngoài những người con này, cụ Q và cụ T4 không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông Lê Ngọc A ở với hai cụ và các anh chị em trong gia đình từ nhỏ, đến khi ông A lấy vợ và có nhà riêng thì ông A vẫn giữ mối quan hệ với anh chị em trong gia đình và trông nom, chăm sóc bố mẹ như các anh chị em khác. Cụ Q và cụ T4 có tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp 1296m^2 được Nhà nước giao gồm 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và 576m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi dồn điền đổi thửa thì diện tích đất này được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM541877, vào sổ số H01495 ngày 06-7-2009 đứng tên hộ ông Đỗ Đức Q, là bao gồm cụ Q và cụ T4, không liên quan đến người nào khác. Cụ Q và cụ T4 chết đều không để lại di chúc. Sau khi hai cụ chết, các anh chị em trong gia đình chưa có thỏa thuận nào về di sản của hai cụ. Hiện ông Đỗ Văn

T1 đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp 720m^2 tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; bà Đỗ Thị T3 đang sử dụng diện tích đất nông nghiệp 576m^2 tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Khi hai cụ còn sống, cụ Q là người đóng thuế đất và nộp sản lượng về hợp tác xã và thôn theo quy định. Sau khi hai cụ chết, ông T1 nộp thuế đất và sản lượng đối với phần diện tích đất nông nghiệp của hai cụ do ông T1 sử dụng, bà T3 nộp thuế đất và sản lượng đối với phần diện tích đất nông nghiệp của hai cụ do bà T3 sử dụng. Ngoài ra, giữa các anh chị em có thỏa thuận do ông T1, bà T3 sử dụng đất nông nghiệp của hai cụ nên bà T3, ông T1 mỗi người phải đóng góp 20kg thóc/01 sào/01 người để phục vụ việc cúng giỗ hai cụ. Từ năm 2017 đến nay, ông T1 không thực hiện việc đóng góp như thỏa thuận nữa. Quá trình sử dụng, ông Đỗ Văn T1 đã tự ý đào ao trên phần diện tích đất nông nghiệp của cụ Q và cụ T4, bà T và bà T3 đã làm đơn trình báo Ủy ban nhân dân xã TĐ về việc này. Ủy ban nhân dân xã TĐ đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, lập biên bản và đã ban hành Thông báo yêu cầu gia đình ông Đỗ Văn T1 có trách nhiệm san trả mặt bằng cho thửa đất số 936, tờ bản đồ số 03 tại xứ đồng CB, thôn CD. Tuy nhiên, gia đình ông Đỗ Văn T1 không thực hiện theo Thông báo của Ủy ban nhân dân xã TĐ mà còn cố tình xây dựng lán trên đất của cụ Q và cụ T4. Nay để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình, bà T đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ T4 là diện tích đất nông nghiệp 1296m^2 gồm 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và 576m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM541877, vào sổ số H01495 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 06-7-2009 đứng tên hộ ông Đỗ Đức Q bằng hiện vật theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị T đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 theo diện tích đất thực tế kết quả Thẩm định, định giá tài sản của Tòa án đối với thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng diện tích là 720m^2; đối với thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng diện tích là 507m^2 theo quy định của pháp luật; không yêu cầu vợ chồng ông Đỗ Văn T1, bà Nguyễn Thị D phải bồi thường tiền đã làm thay đổi hiện trạng đất.

- *Tại biên bản ghi lời khai bị đơn ông Đỗ Văn T1 trình bày:* Thống nhất với trình bày của bà Đỗ Thị T về họ, tên, tuổi, năm sinh, năm mất và các người con của cụ Đỗ Đức Q (Đỗ Đức G) và cụ Đoàn Thị T4. Cụ Q và cụ T4 chết không để lại di chúc và không để lại nghĩa vụ gì. Cụ Q, cụ T4 có tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp 1296m^2 được Nhà nước giao gồm 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

và 576m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất này được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM541877, vào sổ số H01495 ngày 06-7-2009 đứng tên hộ ông Đỗ Đức Q. Trong quá trình sử dụng cụ Đỗ Đức Q đã đổi diện tích 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng lấy 720m^2 đất tại địa chỉ: Xóm Rồng, đội 8, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng của vợ chồng ông T1. Từ năm 2003, được sự đồng ý của cụ Q, ông T1 đã đào ao và hiến 01 phần đất để làm đường của thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng nhận đổi từ cụ Q, hiện nay phần diện tích còn lại bao nhiêu ông không biết cụ thể. Sau khi cụ Đỗ Đức Q chết, ông T1 vẫn tiếp tục quản lý phần đất CB và xóm R, việc sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. Phần diện tích đất nông nghiệp 576m^2 ở TH hiện bà Đỗ Thị T3 đang sử dụng. Nay ông T1 xác định di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 là 720m^2 đất tại địa chỉ: Xóm Rồng, đội 8, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và diện tích đất nông nghiệp 576m^2 ở TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ông T1 đồng ý chia di sản thừa kế diện tích đất nông nghiệp này cho 06 người, không đồng ý chia diện tích đất 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Với tư cách người đại diện theo ủy quyền của ông A, bà T trình bày ông A không có yêu cầu độc lập nào mà chỉ đề nghị giải quyết quyền lợi trong vụ án này, tại phiên tòa đề nghị giao diện tích đất được hưởng cho bà T, bà T3 sử dụng, không đề nghị bà T, bà T3 phải thanh toán tiền.

Bà Đỗ Thị T3 trình bày quan điểm: Thống nhất với quan điểm của bà Đỗ Thị T. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T. Bà và ông H không có yêu cầu độc lập nào. Tại phiên tòa bà không đề nghị Tòa án xem xét công sức quản lý, giữ gìn di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 theo quy định pháp luật.

Ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T2 thống nhất với lời khai và đề nghị của bà Đỗ Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử giao di sản thừa kế của cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 cho bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị T3 quản lý sử dụng, cụ thể giao cho bà Đỗ Thị T3 được quản lý sử dụng diện tích đất của thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo; bà Đỗ Thị T được quản lý sử dụng thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ông H, ông T2 không yêu cầu bà T, bà T3 phải thanh toán tiền.

Bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến tòa để trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T nhưng không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T.

Tại Biên bản xác định và định giá tài sản ngày 12 tháng 6 năm 2023, xác định được như sau: Thửa đất nông nghiệp của cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 hiện nay ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị T3 đang quản đang quản lý sử dụng có giá trị bằng 72.000đ/m^2, trên diện tích đất của cụ Q, cụ T4 do ông T1 sử dụng thực tế giao là 720m^2, có nhà tạm, cây cối xác định giá trị bằng 43.070.342 đồng; thửa đất nông nghiệp của cụ Đỗ Đức Q, cụ T4 hiện nay bà Đỗ Thị T3 đang quản lý sử dụng có diện tích thực tế là 507m^2.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là bà Đỗ Thị T có đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia di sản thừa kế, ông Đỗ Văn T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của tòa án là chưa tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 357 và các điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 654, 660, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ khoản 1 Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi; căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ T4 là diện tích đất nông nghiệp 1227m^2 gồm 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và 507m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM541877, vào sổ số H01495 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 06-7-2009 đứng tên hộ ông Đỗ Đức Q, cụ thể: Giao cho ông Đỗ Văn T1 được quyền sử dụng 720m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó phần di sản ông T1 được hưởng tương đương 01 kỷ phần thừa kế có giá trị là 12.620.000 đồng và công sức tôn tạo là ¼ suất thừa kế có giá trị là 3.155.000 đồng. Tổng tài sản ông T1 được chia có giá trị là 15.775.000 đồng. Giao cho bà Đỗ Thị T3 được quyền sử dụng 507 m^2đất nông nghiệp tại thửa

đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.Trong đó phần di sản bà T3 được hưởng tương đương 01 kỷ phần thừa kế là 12.620.000 đồng và ½ suất thừa kế có giá trị là 6.310.000 đồng.Tổng tài sản bà T3 được chia có giá trị là 18.930.000 đồng. Ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị T3 phải thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác và người được hưởng công sức tôn tạo di sản là bà Nguyễn Thị D đối với giá trị chênh lệch phần di sản được chia, cụ thể như sau: Ông Đỗ Văn T1 phải thanh toán bằng tiền tương đương 36.065.000 đồng. Bà Đỗ Thị T3 phải thanh toán bằng tiền tương đương 17.574.000 đồng. Trong đó, bà Nguyễn Thị D được hưởng công sức tôn tạo bằng ¼ suất thừa kế tương ứng số tiền 3.155.000 đồng; Mỗi người thừa kế (trừ ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị T3) sẽ được hưởng di sản tương ứng số tiền 12.620.000 đồng. Người được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về chi phí tố tụng: Do nguyên đơn là bà Đỗ Thị T xin chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản và đã nộp đủ nên không đặt ra để xem xét. Về án phí: Các ông bà Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn T2, Lê Ngọc A đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí. Ông Đỗ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 788.750 đồng. Bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 946.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không ai có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Nên căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử không bổ sung ai tham gia tố tụng ngoài những người đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số 389/TB-TA ngày 06 tháng 7 năm 2023.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đỗ Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc A, bà Nguyễn Thị D: Ông T1, ông A, bà D vắng mặt phiên tòa lần thứ hai. Ông T1, bà D vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, ông A có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn T1, ông Lê Ngọc A, bà Nguyễn Thị D.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T:

[5] Về di sản thừa kế: Trên cơ sở lời khai của các đương sự thống nhất trình bày và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Cụ Đỗ Đức Q (tên gọi khác là G) có vợ là cụ Đoàn Thị T4, trong thời gian sinh sống cụ Q, cụ T4 có tài sản chung là diện tích đất nông nghiệp 1296m^2 được Nhà nước giao gồm 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và 576m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi dồn điền đổi thửa thì diện tích đất này được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM541877, vào sổ số H01495 ngày 06-7-2009 đứng tên hộ ông Đỗ Đức Q, tài sản này ngoài cụ Q và cụ T4 thì không liên quan đến ai khác. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự thật không phải chứng minh. Theo Ủy ban nhân dân xã TĐ cung cấp: Đối với thửa đất số 936: Theo Bản đồ giải thửa, diện tích đất là 736m^2, trừ đi quy hoạch làm đường vòng 1 là 16m^2 thì diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 720m^2, có chiều rộng phía Nam là 43,6m, phía Bắc là 42,8m, phía Đông là 16,67m, phía Tây là 16,67m. Đối với thửa đất số 1160 tại TH: Theo Bản đồ giải thửa, diện tích đất là 591, trừ quy hoạch làm đường 15m^2 thì diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 576m^2, có kích thước chiều rộng phía Nam là 30,5m, phía Bắc là 30,5m, phía Đông là 18,9m, phía Tây là 18,9m. Quá trình sử dụng đất, cụ Q, cụ T4 hiến đất làm mương máng là 41m^2, cho ông T1 là 47m^2 (việc cho ông T1 không có giấy tờ gì), tổng cộng 88m^2 trên tổng diện tích 1.296m^2, trong đó lấy từ thửa 936 là 50m^2, lấy từ thửa 1160 là 38m^2. Do đó, diện tích thực tế vợ chồng cụ Q, cụ T4 được giao sử dụng thực tế là 670m^2 tại thửa đất số 936 ở CB có chiều rộng phía Nam là 40,6m, phía Bắc là 39,8m, phía Đông là 16,67m, phía Tây là 16,67m và 538m^2 tại thửa đất số 1160 ở TH có kích thước chiều rộng phía Nam là 28m, phía Bắc là 28m, phía Đông là 20,7m, phía Tây là 17,7m. Tuy nhiên, hiện chưa làm thủ tục đính chính tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng được ghi nhận tại Sổ ruộng đất của thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Gia đình ông Đỗ Văn T1 được Nhà nước giao phần diện tích đất nông nghiệp giáp với phần diện tích đất nông nghiệp tại thửa đất số 936 ở CB là 1.050m^2 tại thửa đất số 937 ở CB, có kích thước chiều rộng phiá Nam là 42,75m, phía Bắc là 43,6m, phía Đông là 24,32m, phía Tây là 24,32m. Sau khi

quy hoạch làm đường 73m^2, diện tích đất nông nghiệp gia đình ông T1 được sử dụng là 977m^2 tại thửa đất số 937 ở CB, có kích thước chiều rộng phía Nam là 39,7m, phía Bắc là 40,06m, phía Đông là 24,32m, phía Tây là 27,32m. Khi cụ Q và cụ T4 còn sống, cụ Q và vợ chồng ông Đỗ Văn T1 cùng sử dụng diện tích đất nông nghiệp 670m^2 tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng còn bà Đỗ Thị T3 cùng cụ T4 sử dụng diện tích đất nông nghiệp 538m^2 đất tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi cụ Q, cụ T4 chết, vợ chồng ông T1, bà D tiếp tục sử dụng diện tích thửa đất số 936 ở CB và bà T3 tiếp tục sử dụng diện tích thửa đất số 1160 nhưng không có thủ tục chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, thừa kế nào liên quan đến hai thửa đất này tại Ủy ban nhân dân xã TĐ. Nên việc bị đơn ông Đỗ Văn T1 cho rằng: Quá trình sử dụng đất cụ Đỗ Đức Q đã đổi diện tích 720m^2 đất tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng lấy 720m^2 đất tại địa chỉ: Xóm R, đội 8, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng của vợ chồng ông T1 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo kết quả thẩm định và định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự xác định được: Diện tích đất của cụ Q, cụ T4 do ông Đỗ Văn T1 đang sử dụng thực tế tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là 720m^2; diện tích đất nông nghiệp của cụ Q, cụ T4 thuộc thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng hiện nay do bà Đỗ Thị T3 đang quản lý sử dụng có diện tích thực tế là 507m^2. Căn cứ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 170 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thì cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 trước khi chết có tài sản là diện tích đất nông nghiệp 1227m^2; theo Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015 khi cụ Q, cụ T4 chết, tài sản này là di sản thừa kế cần giải quyết trong vụ án. Yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Đỗ Thị T là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về diện thừa kế khi cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 chết: Cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 sinh được 05 người con là Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn T1, Đỗ Văn T2, Đỗ Thị T3. Ngoài ra không còn người con nào khác, không có con nuôi, cụ T4 có 01 người con riêng là Lê Ngọc A được cụ Q, cụ T4 cùng nuôi từ bé, bố mẹ cụ Q, cụ T4 đều đã chết trước khi cụ Q chết, cụ T4 chết; cụ Q, cụ T4 chết không để lại di chúc. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 679 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2015 người được thừa kế di sản của cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 khi cụ Q, cụ T4 chết là các ông (bà) Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn T1, Đỗ Văn T2, Đỗ Thị T3, Lê Ngọc A.

[7] Về chia di sản thừa kế bằng hiện vật hay bằng giá trị: Xét bà Đỗ Thị T đề nghị chia di sản bằng hiện vật và đề nghị nhận phần di sản của mình bằng quyền sử dụng đất. Xét di sản thừa kế là diện tích đất nông nghiệp của cụ Q, cụ T4 có thể chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Nên căn cứ vào Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chia di sản của cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4 bằng hiện vật.

[8] Về công sức gìn giữ, tôn tạo di sản: Cụ Đỗ Đức Q chết ngày 11-3-2010, cụ Đoàn Thị T4 chết ngày 31-12-2008, trong thời gian cụ Q, cụ T4 sinh sống thì cụ Q, cụ T4 là người quản lý sử dụng đất, đóng thuế đất. Sau khi cụ Q, cụ T4 chết, ông Đỗ Văn T1 sử dụng diện tích đất nông nghiệp 720m^2 tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; bà Đỗ Thị T3 sử dụng diện tích đất nông nghiệp 507m^2 tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Các con cụ Q, cụ T4 có thỏa thuận mỗi người phải đóng góp 20kg thóc/01 sào/01 người để phục vụ việc cúng giỗ hai cụ. Quá trình sử dụng, ông Đỗ Văn T1 đã tự ý đào ao trên phần diện tích đất nông nghiệp của cụ Q và cụ T4, bà T và bà T3 đã làm đơn trình báo Ủy ban nhân dân xã TĐ về việc này. Ủy ban nhân dân xã TĐ đã tiến hành kiểm tra hiện trạng, lập biên bản và đã ban hành Thông báo yêu cầu gia đình ông Đỗ Văn T1 có trách nhiệm san trả mặt bằng cho thửa đất số 936, tờ bản đồ số 03 tại xứ đồng CB, thôn CD. Tuy nhiên, gia đình ông Đỗ Văn T1 không thực hiện theo Thông báo của Ủy ban nhân dân xã TĐ mà còn xây dựng lán trên đất của cụ Q và cụ T4 vi phạm Điều 170 của Luật Đất đai về nghĩa vụ chung của người sử dụng đất. Đối với phần đất nông nghiệp bà T3 sử dụng tại phiên tòa không yêu cầu công sức tôn tạo gìn giữ đất. Hơn nữa di sản của cụ Q, cụ T4 xác định là đất nông nghiệp (đất dùng vào việc sản xuất nông nghiệp) người được sử dụng đất đã được lợi trong quá trình sản xuất. Nên khi giải quyết chia di sản thừa kế, Hội đồng xét xử không tính công sức tôn tạo, gìn giữ đất để chia di sản thừa kế như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Về việc chia di sản của cụ Đỗ Đức Q, cụ Đoàn Thị T4: Như phân tích ở trên thì di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 xác định là diện tích đất đất nông nghiệp 720m^2 tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; 507m^2 tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Hai thửa đất này theo kết quả định giá tài sản có giá trị/1m^2 như nhau, nếu chia đều cho 06 người được hưởng di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 (như phân tích ở phần [6]) thì mỗi người sẽ được phân di sản là 204,5m^2 xác định giá trị bằng 14.724.000 đồng. Tuy nhiên theo cung cấp của địa phương trong số những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Q, cụ T4 thì chỉ có bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị T3, ông Đỗ Văn T1, ông Đỗ Văn T2 là người địa phương có tham gia sản xuất nông nghiệp còn lại ông Đỗ Văn

H và ông Lê Ngọc A không ở địa phương, không tham gia sản xuất nông nghiệp. Theo khoản 3 Điều 191 của Luật Đất đai quy định "*Hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa.*". Nên ông H, ông A sẽ được thanh toán bằng tiền. Theo sự thỏa thuận và đề nghị của bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị T3, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T2, ông Lê Ngọc A đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà T3 được sử dụng phần diện tích được chia chung tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; bà Đỗ Thị T được sử dụng diện tích được chia chung tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Xét đề nghị này là có căn cứ và đủ điều kiện để giao đất nên cần chấp nhận, giao cho bà Đỗ Thị T được sử dụng phần đất nông nghiệp tại thửa đất 1160; giao cho bà Đỗ Thị T3 được sử dụng phần đất nông nghiệp của thửa đất số 936 sau khi đã trừ đi phần đất là di sản thừa kế giao cho ông Đỗ Văn T1 được hưởng. Giao cho ông T1 phần di sản là 204,5m^2 tại thửa đất số 936 phía giáp với thửa đất số 937 của ông T1.

[10] Về thanh toán giá trị tài sản: Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã TĐ: Quá trình sử dụng đất, ông T1 có đào ao trên thửa đất số 936 phía giáp đường xóm từ năm 2003, khi đó cụ Q, cụ T4 và các anh chị em trong gia đình ông T1 không ai có ý kiến gì, tuy nhiên, ông T1 đào ao không có Quyết định cho chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo theo quy định pháp luật, cũng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Năm 2022 ông T1 tiếp tục đào ao trên thửa đất số 936 phía giáp bờ sông, khi đó bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị T có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã TĐ giải quyết việc ông Đỗ Văn T1 tự ý đào ao chưa được sự đồng ý của anh, chị, em trong gia đình. Ủy ban nhân dân xã TĐ đã tiến hành giải quyết đơn đề nghị của bà Đỗ Thị T3, bà Đỗ Thị T, kết quả Ủy ban nhân dân xã TĐ đã ban hành Thông báo lần 2 ngày 18-02-2022 yêu cầu ông Đỗ Văn T1 dừng ngay việc đào ao trên thửa đất đứng tên ông Đỗ Đức Q, hộ gia đình ông Đỗ Văn T1 có trách nhiệm san trả mặt bằng cho thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (bao gồm cả phần diện tích đất ao đào từ năm 2003 và ao đào từ năm 2022). Nhưng vợ chồng ông T1, bà D không thực hiện, hơn nữa còn xây nhà tạm trên thửa đất số 936 ở CB. Việc làm của vợ chồng Tuệ là trái pháp luật, ảnh hưởng đến mục đích sử dụng, làm giảm giá trị đất vi phạm Điều 170 của Luật Đất đai và hành vi này đã bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt, nhưng vợ chồng ông T1, bà D không thực hiện, tháo dỡ những tài sản đã xây dựng trái pháp luật trên đất, nên những tài sản này khi giao cho người khác không được thanh toán giá trị theo kết quả định giá tài sản, đồng thời

ông T1, bà D phải có nghĩa vụ tháo dỡ những tài sản này khôi phục lại hiện trạng đất. Đối với việc bà T3, bà T được sử dụng nhiều hơn phần tài sản mình được hưởng di sản thừa kế thì phải thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại. Tuy nhiên do tại phiên tòa và văn bản thỏa thuận ngày 20-11-2023 ông Đỗ Văn T2, ông Lê Ngọc A, ông Đỗ Văn H không yêu cầu bà T, bà T3 phải thanh toán chênh lệch tài sản nên không xét. Các ông bà Đỗ Thị T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn T1, Đỗ Văn T2, Đỗ Thị T3, ông Lê Ngọc A không ai có yêu cầu gia đình ông Đỗ Văn T1 việc làm thay đổi hiện trang diện tích đất nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí, chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản di sản thừa kế bản thân được nhận, cụ thể tương ứng với giá trị, mức án phí theo quy định của pháp luật; bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Văn T2, ông Đỗ Văn H, ông Lê Ngọc A trên 60 tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp án phí. Ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị T3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị T đã nộp chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, tại phiên tòa bà T không yêu cầu giải quyết khoản tiền này, Hội đồng xét xử không xét. Về quyền kháng cáo bản án: Các được sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 34, Điều 144, khoản 2 Điều 147, Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 171, 634, 635, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ quy định tại các điều 237, 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623 và các điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ Điều 170, khoản 3 Điều 191 của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T: Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Đức Q (Giao), cụ Đoàn Thị T4:

Giao cho bà Đỗ Thị T được quản lý, sử dụng diện tích đất nông nghiệp 507m^2 có tứ cận là các cạnh gồm các mốc (1;2;3;4), tại thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: TH, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

Giao cho bà Đỗ Thị T3 được quản lý, sử dụng diện tích đất 515.5 m^2, gồm các mốc (1;2;3;6) tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; trên diện tích đất này có công trình ngõ bê tông có kích thước [(2,1x 2,4 x 0,05)+(1,3x14,8x0,05)], sân bê tông có kích thước *[(4,5x3,4x0,05)+(2,1x0,05)+4,2x5x0,05], cổng săt (2,8x0,8)+0,95x1,7,* kề bờ ao nhà tạm lợp mái tôn, cây lâu niên do ông Đỗ Văn T1, bà Nguyễn Thị D xây dựng, ông T1, bà D phải có nghĩa vụ tháo dỡ các tài sản này trả lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Thao, trong trường hợp ông T1, bà D không tháo dỡ bà T3 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tháo dỡ những tài sản này để trả lại diện tích đất cho bà T3.

Giao cho ông Đỗ Văn T1 được quản lý, sử dụng diện tích đất 204,5 m^2, gồm các mốc (5;6;3;4) tại thửa đất số 936, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: CB, thôn CD, xã TĐ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo và là một phần không thể thiếu của bản án).

2- Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Đỗ Thị T, ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn T2, ông Lê Văn Am được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn T1, bà Đỗ Thị T3 mỗi ông phải nộp 757.188đ (bảy trăm năm mươi bảy nghìn một trăm tám mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị T đã nộp đủ chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

3- Về quyền kháng cáo bản án:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt